

Bản án số: 09/2020/DS-ST

Ngày: 29/6/2020

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Mai Xuân Thành**

Ông Nguyễn Duy Khải

Thư ký phiên tòa: **Ông Bùi Hoàng Long** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Xuân Giáp** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2020/TLST - DS ngày 19/02/2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số/2020/QĐST-DS ngày 09/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đàm Đức S**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn 5A, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà **Nguyễn Thị Bách T** – sinh năm 1984. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: KP X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1986. Vắng mặt

Ông Dương Văn Q, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 5A, xã L, huyện Phú Riềng, Bình Phước

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị Kim P** – sinh năm 1984. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 5A, xã L, huyện P, Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và lời khai lưu tại hồ sơ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bách T và nguyên đơn ông Đàm Đức S trình bày:**

Ông Đàm Đức S và vợ chồng bà Lê Thị T, ông Dương Văn Q là hàng xóm gần nhà nhau, có quan hệ thân thiết với nhau. Ngày 02/3/2018 (dương lịch), ông cho bà T vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để bà T buôn bán nhân hạt điều. Giữa hai bên có làm giấy nhận nợ do chính bà T viết, có chữ ký của ông Dương Văn Q (chồng bà T). Ông cho vợ chồng bà T vay tiền không tính lãi suất, thời hạn trả tiền tháng 12 âm lịch năm 2018.

Đến hạn trả nợ, vợ chồng bà T, ông Q không trả mặc dù ông đã yêu cầu nhiều lần.

Khoảng giữa năm 2019, bà T thường xuyên đi vắng, không có ở nhà, cứ về nhà khoảng một vài ngày rồi lại đi, chỉ có ông Q ở nhà. Khoảng tháng 7, tháng 8/2019, bà T bỏ đi hẳn không thấy về nhà nữa. Ông nghĩ bà T đi làm ăn xa để lấy tiền trả nợ. Đến cuối năm 2019 (âm lịch), ông Q cũng bỏ đi luôn, không về nhà nữa. Do đó, ông khởi kiện yêu của vợ chồng bà T, ông Q phải trả cho ông số tiền vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), ông không yêu cầu trả tiền lãi.

*** Bị đơn bà Lê Thị T, ông Dương Văn Q trình bày:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật và tiến hành thông báo tìm kiếm bà T, ông Q trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà T, ông Q vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của bà T và ông Q.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:**

Ngày 02/3/2018 (dương lịch), vợ chồng bà có cho bà T vay số tiền 200.000.000 đồng để bà T buôn bán nhân hạt điều, không tính lãi suất, thời hạn trả tiền: tháng 12/2018 (âm lịch). Giữa hai bên có lập giấy vay nợ do chính bà T viết.

Đến hạn trả tiền, vợ chồng bà T, ông Q cứ khát nợ, hẹn trả nhiều lần nhưng không trả tiền cho vợ chồng bà.

Khoảng giữa năm 2019, bà T thường xuyên đi vắng, không có ở nhà, cứ về nhà khoảng một vài ngày rồi lại đi, chỉ có ông Q ở nhà. Khoảng tháng 7, tháng 8/2019, bà T bỏ nhà đi hẳn. Đến cuối năm 2019 (âm lịch), ông Q cũng bỏ nhà đi luôn. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà T, ông Q phải trả vợ chồng bà số tiền nợ 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Lê Thị T và ông Dương Văn Q phải trả cho ông Đàm Đức S và bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Đàm Đức S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Lê Thị T, ông Dương Văn Q phải trả số tiền vay 200.000.000 đồng. Mặc dù bị đơn bà T và ông Q vắng mặt tại địa phương nhưng tại hợp đồng vay nợ lập giữa hai bên có ghi địa chỉ của bà T, ông Q cư trú tại thôn 5A, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Bị đơn bà Lê Thị T và ông Dương Văn Q mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt 02 lần tại phiên tòa; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim P có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Bị đơn ông Đàm Đức S yêu cầu bị đơn bà Lê Thị T, ông Dương Văn Q trả số tiền vay 200.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà T, ông Q vắng mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại Giấy vay nợ không đề ngày tháng có chữ ký của bà Lê Thị T và ông Dương Văn Q có nội dung “*Tôi là Lê Thị T, SCM 173834804. Địa chỉ: Thôn 5A, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Chồng tôi Dương Văn Q SCM 174724395. Hôm nay ngày 2/3/2018 nhằm ngày 15/1/2018 âm lịch, tôi có vay của anh Đàm Đức S số tiền là 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng). Tôi tháng 12 âm lịch sẽ trả lại cho anh. Nếu quá thời hạn không trả được tôi xin chịu hoàn toàn với pháp luật*”. Như vậy, căn cứ vào Giấy nhận nợ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng bà T, ông Q đã vay vợ chồng ông S, bà P số tiền 200.000.000 đồng và đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận giữa các bên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đàm Đức S.

Buộc bà Lê Thị T và ông Dương Văn Q có nghĩa vụ trả ông Đàm Đức S và bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông S, bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T, ông Q chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì còn phải

chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/Về án phí: Trả lại ông Đàm Đức S số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0011516 ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Bà Lê Thị T và ông Dương Văn Q phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hải